

Số: 46 /2024/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 614/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07/12/2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

Chị T.T.H, sinh năm 1992. Hộ khẩu thường trú: Tập thể T.T.KTTTCNC số 9 phố Q. N, phường N, quận T, Thành phố H; Nơi ở: Số 25B, ngách 144/8 phố Q.N, phường N, quận T, thành phố H.

Anh Đ.V. H1, sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú: Tập thể T.T.T.S.K.T – B.T.M, Q.C.P.K.K.Q, số 167 đường T. C, phường K, quận T, Thành phố H; Nơi ở: Số 25B, ngách 144/8 phố Q.N, phường N, quận T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T.T.H và anh Đ.V. H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh N ngày 23/01/2018.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, hai bên không còn yêu thương nhau, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng cuộc sống hôn nhân của vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng đã ly thân. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, anh chị cùng đề nghị được Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Đ.N.K, sinh ngày 18/1/2019. Anh chị thỏa thuận chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/1tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H và anh H1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Chị H và anh H1 không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí: Chị H và anh H1 tự nguyện nộp mỗi người 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T.T.H và anh Đ.V. H.

- Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Đ.N.K, sinh ngày 18/1/2019. Anh chị thỏa thuận chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/1tháng kể từ tháng 2/2024 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đ.V. H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H và anh H1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh H1 xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H và anh H1 mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0012703** ngày 07/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My